

Bản án số: 48/2025/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 6 - 2025
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Thu Lan

Ông Lý Trung Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 52/2025/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2025 về việc: Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/5/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị M, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt có lý do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện V, tỉnh Yên Bái. vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2025, bản tự khai ngày 17/3/2025, nguyên đơn là chị Mai Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn P về chung sống với nhau cuối năm 2009 nhưng không đăng ký kết hôn, do thời điểm đó anh P chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn và cho đến nay chị và anh P cũng chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về chung sống với nhau, cuộc sống của chị và anh P bình thường, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến năm 2022 thì mâu thuẫn càng thẳng hơn và cũng từ đó chị và anh P sống ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác

định tình cảm giữa chị và anh P không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa. Vì vậy, chị M đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P.

Về con chung: Chị M và anh P có một người con chung tên là Hoàng Mai T, sinh ngày 08/9/2010 chị M đề nghị được trực tiếp nuôi con vì từ khi anh chị không ở chung với nhau, chị đã trực tiếp nuôi cháu T từ đó đến nay và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

Bị đơn là anh Hoàng Văn P, trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh P thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị M cho Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về: Thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tổng đạt văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, từ khi thụ lý vụ án đã được thông báo hợp lệ nhưng đều không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh P; giao người con chung là Hoàng Mai T, sinh ngày 08/9/2010 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mai Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh P và yêu cầu giải quyết về nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và nuôi con; anh P đăng ký

hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã D, huyện V, tỉnh Yên Bái nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự để thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về việc nuôi con, án phí nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M, anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị M và anh Hoàng Văn P tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống, giữa chị M và anh P có một người con chung. Nay chị M xác định tình cảm giữa chị và anh P không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, anh P đã được Tòa án thông báo, triệu tập nhiều lần đến Tòa án để giải quyết việc chị M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng và việc nuôi con, nhưng anh P đều vắng mặt và không có ý kiến gì. Như vậy, việc chị M và anh P chung sống với nhau nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình nên không có giá trị pháp lý và không được coi là vợ chồng. Căn cứ Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai và anh P.

- Về con chung: Chị M và anh P có 01 người con chung tên là Hoàng Mai T, sinh ngày 08/9/2010, từ khi anh chị không còn chung sống, chị M là người trực tiếp nuôi con. Nay chị M đề nghị được trực tiếp nuôi con, tại biên bản hỏi ý kiến nguyện vọng ngày 27/3/2025, cháu T có nguyện vọng xin được ở với chị M. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị M là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật và chị M có đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị M không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Mai Thị M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Mai Thị M và anh Hoàng Văn P.

2. Về con chung:

Giao cháu Hoàng Mai T, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2010 cho chị Mai Thị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Hoàng Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Mai Thị M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0002157 ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xác nhận chị M đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Mai Thị M và anh Hoàng Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã D, huyện V;
- Các đương sự (Chị M, anh P);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Việt Hà